

Số: 31/2022/QĐST-DS

C, ngày 13 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

** Nguyên đơn:*

- Ông **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1964.

- Bà **Hứa Thị Thu T**, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số 66/14B đường C, phường C, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: S8 đường G, khu vực 2, phường H, quận C, Tp. C.

** Bị đơn:*

- Ông **Huỳnh Khải V**, sinh năm 1966.

- Bà **Tô Thị N**, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Số 16/3 đường N, khu vực T, phường B, quận C, thành phố C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 66/14B đường C, phường C, quận N, thành phố C.

Địa chỉ liên hệ: S8 đường Q, khu vực 2, phường H, quận C, Tp. C.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hứa Thị Thu T được trọn quyền sở hữu và sử dụng phần đất có diện tích là 135m², cụ thể: Phần đất trọn thửa đất số 253, tờ bản đồ số 34, có diện tích là 100m², loại đất ODT của Giấy chứng nhận QSD đất số CS05272 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho ông Huỳnh Khải V; và diện tích 35m² thuộc một phần của thửa đất số 252, tờ bản đồ số 34, (thửa 252 có diện tích 100m²), loại đất ODT của Giấy chứng nhận QSD đất số CH00102 của Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 08/02/2010 cho ông Huỳnh Khải Văn, đất tọa lạc tại khu vực Yên Trung, phường Lê Bình, quận C, thành phố C. Phần đất ông T và bà Thảo sở hữu được ký hiệu là số 3 trong Bản trích đo địa chính số: 97 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận C.

- Bị đơn ông Huỳnh Khải V và bà Tô Thị N được trọn quyền sở hữu và sử dụng phần đất có diện tích 200m², cụ thể: Phần đất trọn thửa số 283, tờ bản đồ số 34, có diện tích là 135m² loại đất ODT của Giấy chứng nhận QSD đất số 001830 của Ủy ban nhân dân huyện CT (cũ) cấp ngày 15/12/2003 cho hộ ông Nguyễn Ngọc T; và diện tích 65m² thuộc một phần của thửa đất số 252, tờ bản đồ số 34, (thửa 252 có diện tích là 100m²), loại đất ODT của Giấy chứng nhận QSD đất số CH00102 của Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 08/02/2010 cho ông Huỳnh Khải V, đất tọa lạc tại khu vực Y, phường B, quận C, thành phố C. Phần đất ông V và bà N sở hữu được ký hiệu là số 1 và 2 trong Bản trích đo địa chính số: 97 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận C.

Các đương sự tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa, cập nhật, sang tên và được cấp quyền sử dụng đất theo quy định và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 97 ngày 30/5/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận C).

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 4.267.000đ (Bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hứa Thị Thu T tự nguyện chịu, ông T và bà Thảo đã nộp tạm ứng trước và đã cho xong nên không phải nộp nữa.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và bà Hứa Thị Thu T nộp số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008302 ngày 21/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C; ông T và bà T

được nhận lại số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố C.

- Bị đơn ông Huỳnh Khải V và bà Tô Thị N nộp số tiền là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**** Nơi nhận:***

- TAND TP.CT;
- VKSND Q.CR;
- Chi cục THADS Q.CR;
- Đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phan Vũ Linh